

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Km77+500, X.Kim Liên - H.Kim Thành - T.Hải Dương

Tel : 02203 560641 - Fax : 02203 560642

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
6 THÁNG NĂM 2024**

❖ **Bao gồm:**

- |                                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|
| - Bảng cân đối kế toán          | Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh  | Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ            | Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B04 - DN |

**HẢI DƯƠNG, NĂM 2024**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	31/12/2023
<b>Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>761.578.864.695</b>	<b>1.080.653.342.821</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>34.080.575.781</b>	<b>9.520.125.251</b>
1. Tiền	111	V.1	34.080.575.781	9.520.125.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>82.766.953.487</b>	<b>82.766.953.487</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.a	9.766.953.487	9.766.953.487
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.b	73.000.000.000	73.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>370.679.232.294</b>	<b>751.812.120.848</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	439.723.080.982	638.209.117.994
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	0	186.833.210.180
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	7.059.213.665	2.872.855.027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(76.103.062.353)	(76.103.062.353)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5.a	0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>273.697.103.133</b>	<b>235.623.518.631</b>
1. Hàng tồn kho	141		274.197.559.404	236.123.974.902
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(500.456.271)	(500.456.271)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>355.000.000</b>	<b>930.624.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	-	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	575.624.604
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		355.000.000	355.000.000
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.097.434.870.010</b>	<b>1.106.379.332.402</b>
<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>195.237.578.700</b>	<b>204.182.041.092</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	195.237.578.700	204.182.041.092
- Nguyên giá	222		520.941.176.458	521.746.255.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(325.703.597.758)	(317.564.214.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
- Nguyên giá	228		159.462.000	159.462.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.462.000)	(159.462.000)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>902.197.291.310</b>	<b>902.197.291.310</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		902.197.291.310	902.197.291.310
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.859.013.734.705</b>	<b>2.187.032.675.223</b>

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	6/30/2024	12/31/2023
<b>C. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,716,285,590,509</b>	<b>2,045,949,640,571</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>1,181,285,590,509</i>	<i>1,505,949,640,571</i>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	449,644,995,050	555,140,439,586
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	-	204,469,204,614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	299,504,206	0
4. Phải trả người lao động	314		122,389,964	203,184,097
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1,291,614,916	1,916,870,973
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	109,739,771	114,239,771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	729,706,089,909	743,994,444,837
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.16	111,256,693	111,256,693
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>535,000,000,000</i>	<i>540,000,000,000</i>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	342	V.15.b	535,000,000,000	540,000,000,000
<b>D. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>142,728,144,196</b>	<b>141,083,034,652</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.17</i>	<i>142,728,144,196</i>	<i>141,083,034,652</i>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190,000,000,000	190,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190,000,000,000	190,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	0
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(47,271,855,804)	(48,916,965,348)
- Lãi (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(48,916,965,348)	(51,562,358,751)
- Lãi (Lỗ) năm nay	421b		1,645,109,544	2,645,393,403
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,859,013,734,705</b>	<b>2,187,032,675,223</b>

Hải Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Tuyết Dung



Đặng Ngọc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H  
Km 77+500, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương  
MST: 0800286887

Mẫu số B 02 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý II và 6 tháng đầu năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024		Năm 2023	
			Quý II	Lũy kế từ đầu năm	Quý II	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1,317,184,766,393	2,473,379,095,835	739,043,614,423	1,484,763,053,200
2. Các khoản giảm trừ	2	VI.1	1,097,895,548	1,097,895,548	1,418,008,000	3,537,721,000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.1	1,316,086,870,845	2,472,281,200,287	737,625,606,423	1,481,225,332,200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,268,747,994,109	2,417,150,014,206	729,915,679,965	1,464,871,239,631
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		47,338,876,736	55,131,186,081	7,709,926,458	16,354,092,569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,917,019,729	1,919,695,487	774,620,153	776,148,781
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	47,126,953,253	52,532,904,172	8,749,091,806	11,818,307,002
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38,250,135,519	43,654,714,613	2,622,546,876	5,690,405,322
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	413,015,386	956,551,656	129,151,011	242,850,482
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,172,965,203	2,104,770,741	1,020,761,937	1,794,222,980
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		542,962,623	1,456,654,999	(1,414,458,143)	3,274,860,886
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	188,454,545		111,000,000
12. Chi phí khác	32	VI.8	0	0		0
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	188,454,545	0	111,000,000
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		542,962,623	1,645,109,544	(1,414,458,143)	3,385,860,886
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	0	0		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0		
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		542,962,623	1,645,109,544	(1,414,458,143)	3,385,860,886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần)	70		29	87		

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 28 tháng 07 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H  
Km 77+500, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương  
MST: 0800286887

Mẫu số B03-DN  
Ban hành theo QĐ số 200/2014/QĐ- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)  
6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2,504,657,534,829	1,367,216,124,787
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2,413,714,931,984)	(1,313,658,415,844)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(842,628,825)	(765,203,764)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(48,654,714,613)	(6,485,876,734)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	0	(355,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	743,000,000	10,191,693,090
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(218,691,861)	(214,170,531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>41,969,567,546</b>	<b>55,929,151,004</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(37,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,879,237,912	1,712,598,367

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	828,767,431,554	239,035,147,213
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(848,055,786,482)	(243,890,015,940)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(19,288,354,928)</b>	<b>(4,854,868,727)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>24,560,450,530</b>	<b>15,786,880,644</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9,520,125,251</b>	<b>1,123,716,537</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>34,080,575,781</b>	<b>16,910,597,181</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Hưng

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*6 tháng đầu năm 2024*

### **I./ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

**1- Hình thức sở hữu vốn:** *Cổ phần.*

**2- Lĩnh vực kinh doanh:** *Sản xuất, thương mại, dịch vụ.*

**3- Ngành nghề kinh doanh:**

- *Sản xuất mua bán phôi thép; sản xuất mua bán các sản phẩm kim loại; sản xuất mua bán các vật liệu xây dựng.*

- *Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, quặng man gan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực).*

- *Kinh doanh dịch vụ kho bãi; cân thuê; mua bán xe ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình.*

- *Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng*

- *Sản xuất, mua bán giày giép, mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản.*

**4- Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

### **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1- Kỳ kế toán năm:** *Bắt đầu từ ngày 01/01/2024 Kết thúc vào ngày 31/12/2024*

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** *Đồng Việt Nam (Ký hiệu là VNĐ)*

### **III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1- Chế độ kế toán áp dụng.**

*Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT/BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.*

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.**

*Công ty đang áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.*

**3- Hình thức áp dụng kế toán.**

*Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.*

### **IV- Các chính sách kế toán áp dụng**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

*Tiền mặt, tiền gửi.*

*Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

*Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản tiền có gốc ngoại tệ được Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngân hàng giao dịch.*

## **Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024*

*Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ & chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.*

### **2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua & các chi phí và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Các khoản chiết khấu thương mại & giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Chi phí bán hàng & Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

*Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.*

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

*Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

+ Nguyên giá tài sản cố định được xác định một cách đáng tin cậy.

+ Thời gian sử dụng trên một năm.

+ Tài sản có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy luật hiện hành.

*Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.*

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

*Theo chế độ quản lý tài sản qui định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.*

*Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng.*

### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: (Công ty không có BĐS đầu tư)**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

### **5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Theo phương pháp giá gốc.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;

- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ.



## **Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024*

- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

- Đơn vị có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến yêu cầu phải thanh toán.
- Đề ra một ước tính đáng tin cậy.

### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH.

+ *Vốn đóng góp của các nhà đầu tư để thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh.*

+ *Thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.*

+ *Các khoản nhận biếu tặng, tài trợ.*

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản (*Đơn vị không đánh giá lại tài sản*).

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

*Đơn vị hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực số 10 ban hành theo QĐ 165/2002/QĐ-BTC và thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của bộ tài chính.*

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước.*

### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

+ *Đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người mua.*

+ *Đơn vị không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá, quyền kiểm soát hàng hoá.*

+ *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

+ *Đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng.*

+ *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi:

+ *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

+ *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

+ *Xác định được phần công việc đã hoàn thành.*

+ *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

- Doanh thu hoạt động tài chính;

*Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:*

## **Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024*

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

- Các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chiết khấu ngắn hạn.
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### **13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

*Đơn vị hạch xác định theo chuẩn mực số 17 ban hành theo QĐ 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.*

### **14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.**

### **15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**

#### **\* Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo phân loại là:

- + Tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.
- + Tài sản dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

*Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong năm đơn vị không có khoản phải thu nào cần phải lập dự phòng.*

#### **\* Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại như sau:

- Nợ ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.
- Nợ dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm.

#### **\*Phân phối lợi nhuận:**

*Lợi nhuận của đơn vị trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông (nộp về đơn vị cấp trên) phải trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, phúc lợi cho những năm sau cho đến khi đạt mức quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình đại hội cổ đông quyết định cho từng năm. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời gian từ 06 tháng đến 01 năm.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Bảng cân đối kế toán**

DVT: VNĐ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>01- Tiền</b>		
- Tiền mặt	4.036.111.835	3.433.109.985
- Tiền gửi ngân hàng	30.044.463.946	6.087.015.266
<b>Cộng</b>	<b>34.080.575.781</b>	<b>9.520.125.251</b>
<b>02- Các khoản đầu tư tài chính:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>9.766.953.487</b>	<b>9.766.953.487</b>
- Đầu tư cổ phiếu	9.766.953.487	9.766.953.487
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Dự phòng giảm chứng khoán	-	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>73.000.000.000</b>	<b>73.000.000.000</b>
- Ngắn hạn	73.000.000.000	73.000.000.000
- Dài hạn	-	0
<b>c) Đầu tư góp vốn đơn vị khác</b>	<b>902.197.291.310</b>	<b>902.197.291.310</b>
- Đầu tư vào công ty con	902.197.291.310	902.197.291.310
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>984.964.244.797</b>	<b>984.964.244.797</b>
<b>03- Phải thu khách hàng:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>439.723.080.982</b>	<b>638.209.117.994</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	12.113.313.394	67.894.190.077
Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang	201.535.997.424	0
Công ty TNHH Chung Lý	6.456	26.290.091
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	28.682.720.550	44.334.913.562
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	87.662.725.568	191.261.738
Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi	76.103.062.353	76.103.062.353
Công ty Cổ phần đầu tư LE MONT	5.300.964.940	443.078.984.425
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thượng Đình GROUP	5.136.301.700	2.355.302.110
Công ty Cổ phần Xây dựng Le Mont	19.684.666.750	1.114.747.570
Công ty TNHH Bách Đại Phát	-	0
Công ty TNHH Thương mại Thăng Yên	-	-
Các khách hàng khác	3.503.321.847	3.110.366.068
- <b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>(76.103.062.353)</b>	<b>(76.103.062.353)</b>
<b>04- Trả trước cho người bán :</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Trả trước cho người bán	0	186.833.210.180
<b>05- Phải thu khác :</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khác	7.059.213.665	2.872.855.027
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Trả trước cho người bán	0	0
- Phải thu người lao động	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024*

- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
- Phải thu khác	-	0
<b>Cộng</b>	<b>7.059.213.665</b>	<b>2.872.855.027</b>
<b>05- Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>06- Nợ xấu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>07- Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	888.669.322	25.786.147.489
- Công cụ, dụng cụ	9.049.650.453	9.049.650.453
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	264.259.239.629	201.288.176.960
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.456.271)	(500.456.271)
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>273.697.103.133</b>	<b>235.623.518.631</b>

\* Giá trị hàng tồn ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, nguyên nhân và hướng xử lý;

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả;

\* Lý do dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Số đầu năm</b>	<b>521.746.255.548</b>	<b>(317.564.214.456)</b>	<b>204.182.041.092</b>
Khấu hao trong năm		(8.139.383.302)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>520.941.176.458</b>	<b>(325.703.597.758)</b>	<b>195.237.578.700</b>

**09- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Số đầu năm</b>	<b>159.462.000</b>	<b>(159.462.000)</b>	
Khấu hao trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>159.462.000</b>	<b>(159.462.000)</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024

<b>10- Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietinbank-CN Nam Thái Nguyên	50.000.000.000	63.997.957.403
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV- CN Nam Thái Nguyên	599.713.096.211	600.000.000.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV - CN Hải Dương	79.992.993.698	79.996.487.434
- Vay dài hạn ngân hàng BIDV - CN Nam Thái Nguyên	535.000.000.000	540.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.264.706.089.909</b>	<b>1.283.994.444.837</b>
<b>11- Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	<b>449.644.995.050</b>	<b>555.140.439.586</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	56.217.529.617	-
Công ty TNHH MTV LOGISTICS Thái Hưng	907.508.824	1.303.167.225
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	10.198.692.539	186.655.672.807
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	49.578.159.722	66.504.052.878
Công ty cổ phần kim khí Bắc Thái	-	-
Công ty CP Đầu tư Eco Valley Việt Nam	-	18.707.904.687
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	332.718.569.948	281.927.813.805
Các nhà cung cấp khác	24.534.400	41.828.184
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	<b>0</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	0	-
<b>Cộng</b>	<b>449.644.995.050</b>	<b>555.140.439.586</b>
<b>12- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	299.504.206	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>299.504.206</b>	<b>-</b>
<b>13- Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí lãi suất phải trả	1.291.614.916	1.916.870.973
- Chi phí bảo lãnh	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.291.614.916</b>	<b>1.916.870.973</b>
<b>14- Phải trả khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	109.739.771	114.239.771
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024

**25- Vốn chủ sở hữu****a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	CL tỷ giá hối đoái	Cộng
A	1	2	3	6	9
Số dư đầu kỳ năm trước	190.000.000.000	-	0	-	190.000.000.000
- Lợi nhuận đầu năm trước	-				-
- Lỗ trong năm trước	-51.562.358.751	-		-	-51.562.358.751
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm trước	141.083.034.652	-	0	-	141.083.034.652
Số dư đầu năm nay	141.083.034.652	-	0	-	141.083.034.652
- Tăng vốn trong năm nay	-		-		-
- Lợi nhuận trong năm nay	1.645.109.544				1.645.109.544
- Giảm khác	0		0		0
Số dư cuối kỳ này	142.728.144.196	-	0	-	142.728.144.196

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Số cuối kỳ      Số đầu năm

Ông Nguyễn Duy Luân	16.680.000.000	16.680.000.000
Ông Phạm Bá Phú	9.760.000.000	9.760.000.000
Ông Đặng Ngọc Hưng	11.260.000.000	11.260.000.000
Ông Trần Nguyên Hưng	9.680.000.000	9.680.000.000
Ông Trần Văn Hiếu	9.680.000.000	9.680.000.000
Các cổ đông khác	132.940.000.000	132.940.000.000
<b>Cộng</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>190.000.000.000</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

\* Số lượng cổ phiếu quỹ:

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nh**

Số cuối kỳ      Số đầu năm

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	190.000.000.000	190.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	190.000.000.000	190.000.000.000
+ <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>190.000.000.000</b>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**e- Các quỹ của doanh nghiệp:**

Số cuối kỳ      Số đầu năm

- Quỹ đầu tư phát triển	111.256.693	111.256.693
- Quỹ dự phòng tài chính	84.020.227	84.020.227
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.236.466	27.236.466
+ Quỹ khen thưởng		
+ Quỹ phúc lợi		

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chu

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024

**VII- Thông tin bổ xung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

DVT: VND

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.472.355.263.335</b>	<b>1.484.763.053.200</b>
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	2.465.749.339.340	1.480.736.741.870
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.605.923.995	4.026.311.330
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;	-	-
<b>2- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.097.895.548</b>	<b>3.537.721.000</b>
Trong đó:	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	1.097.895.548	3.537.721.000
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
<b>3- Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	2.403.274.576.147	1.453.470.322.618
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.875.438.059	11.400.917.013
- Giá vốn của nguyên vật liệu	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.417.150.014.206</b>	<b>1.464.871.239.631</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024

**4- Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.919.695.487	776.148.781
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	-
<b>Cộng</b>	<b>1.919.695.487</b>	<b>776.148.781</b>

**5- Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	43.654.714.613	5.690.405.322
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
- Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm	8.874.059.000	6.123.771.121
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	4.130.559	4.130.559
<b>Cộng</b>	<b>52.532.904.172</b>	<b>11.818.307.002</b>

**6- Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý nhượng bán tài sản	-	-
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Thuế được giảm	-	-
- Các khoản khác	188.454.545	111.000.000

**7- Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý	-	-
- Các khoản khác	-	-

**8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Các khoản chi phí QLDN	2.104.770.741	1.794.222.980
b) Các khoản chi phí bán hàng	956.551.656	242.850.482
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, CP QLDN	-	Trang 10 -



**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/06/2024

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3,061,322,397</b>	<b>2,037,073,462</b>

VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

IX- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 3- Thông tin về các bên liên quan:
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(2):
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3):

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đặng Thị Thu Hòa**

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đặng Thị Tuyết Dung**

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2024

Tổng giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Đặng Ngọc Hưng**

C.T.C.P  
\* \* \*